



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1770>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG SƠN QUI, TỈNH ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống¹ và Nguyễn Phấn Hòa^{2*}

¹*Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: hoa6218@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 14/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 19/3/2026; Ngày duyệt đăng: 22/3/2026

Tóm tắt

Giáo dục đạo đức cho học sinh là mục tiêu cốt lõi của nền giáo dục Việt Nam và được nhấn mạnh trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát kết hợp phỏng vấn; bảng hỏi thang đo Likert 5 bậc được triển khai đến 60 cán bộ quản lý và giáo viên của hai trường. Nội dung khảo sát tập trung vào các chức năng quản lý trong tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả cho thấy rõ những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý hiện nay, từ đó làm cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Từ khóa: *Giáo dục đạo đức, quản lý hoạt động, trung học cơ sở.*

Trích dẫn: Hồ, V. T., & Nguyễn, P. H. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở trên địa bàn phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 83-93. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1770>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGING MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN SON QUI WARD, DONG THAP PROVINCE

Ho Van Thong¹ and Nguyen Phan Hoa^{2*}

¹Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

²Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author, Email: hoa6218@gmail.com*

Article history

Received: 14/02/2026; Received in revised form: 19/3/2026; Accepted: 22/3/2026

Abstract

Moral education for students is a core objective of Vietnam's education system and is emphasized in guiding documents of the Party and State. This study assesses the current state of managing moral education activities for students in junior high schools in Son Qui ward, Dong Thap province. The study uses a survey method combined with interviews; thus, a 5-point Likert questionnaire was administered to 60 administrators and teachers from two schools. The survey content focuses on management functions in organizing moral education activities, including: planning, organizing implementation, directing, and monitoring and evaluating. The results clearly show the strengths, limitations, and causes of current management practices; thereby providing a practical basis for proposing management measures to improve the effectiveness of moral education for junior high school students in the context of educational reform.

Keywords: *Moral education, middle school, operations management.*

1. Giới thiệu

Giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho học sinh trung học cơ sở (THCS) là yêu cầu mang tính bắt buộc trong mục tiêu giáo dục toàn diện, được khẳng định trong Luật Giáo dục 2019 với định hướng phát triển con người Việt Nam về đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm quản lý nhà nước, cơ chế tổ chức hoạt động giáo dục và yêu cầu bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục (Quốc hội, 2019). Trên bình diện chủ trương, Nghị quyết số 29-NQ/TW đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trong đó trụ cột “phát triển phẩm chất và năng lực” tạo nền tảng chính trị - xã hội cho việc tái cấu trúc hoạt động GDĐĐ theo hướng thực chất, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã xác định các phẩm chất chủ yếu của học sinh như nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm là đầu ra cần được hình thành thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài lớp học, đòi hỏi nhà trường tổ chức - điều hành đồng bộ các lực lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019) đã ban hành quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục tạo khung chuẩn mực hành vi, góp phần “thiết chế hóa” môi trường đạo đức - văn hóa học đường. Đặc biệt, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của nhà trường và trách nhiệm của hiệu trưởng trong tổ chức hoạt động giáo dục, là căn cứ trực tiếp để nghiên cứu “quản lý hoạt động GDĐĐ” ở cấp cơ sở (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Trong quản lý giáo dục, quản lý hoạt động GDĐĐ trong trường THCS có thể được tiếp cận như một chu trình quản trị nhà trường gồm: lập kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - kiểm tra, đánh giá hướng vào mục tiêu hình thành phẩm chất, điều chỉnh hành vi và xây dựng văn hóa học đường. Trong bối cảnh hiện nay, GDĐĐ không chỉ là nội dung mà còn là hệ sinh thái thực hành: chuẩn mực ứng xử, nề nếp - kỷ luật tích cực, hoạt động trải nghiệm, phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội, và cơ chế hỗ trợ tâm lý - tư vấn học đường.

Các nghiên cứu quốc tế về triển khai chương trình theo “tiếp cận toàn trường” thường yêu cầu thiết kế quy trình, phân công trách nhiệm, bồi dưỡng năng lực và kiểm tra mức độ thực thi (Weems, 2024). Bên cạnh đó, việc triển khai chương trình phát triển phẩm chất cho thấy hiệu quả phụ thuộc mạnh vào năng lực tổ chức của nhà trường, vai trò điều phối của lãnh đạo, mức độ tích hợp vào hoạt động thường ngày và cơ chế theo dõi dữ liệu (Domitrovich & cs., 2025).

Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến hoạt động GDĐĐ cho học sinh ở trường THCS như: Nhóm tác giả Trần & Lê (2023) đã khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ tại các trường THCS ở huyện Bù Gia Mập, Bình Phước và chỉ ra những “điểm nghẽn” thường gặp như: kế hoạch hóa chưa dựa trên dữ liệu, phối hợp lực lượng giáo dục chưa ổn định, và kiểm tra, đánh giá chưa gắn tiêu chí hành vi cụ thể. Ở một nghiên cứu cùng hướng, tác giả Lê (2024) phân tích thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ tại các trường THCS ở Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cho thấy dù nhà trường có quan tâm triển khai nhưng vẫn tồn tại hạn chế cần khắc phục để nâng hiệu quả quản lý. Ngoài ra, nghiên cứu về quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm nhấn mạnh vai trò thiết kế hoạt động và điều hành thực thi theo chu trình quản lý; kết quả ở bậc trung học phổ thông ở Bù Gia Mập đã gợi ý khung tham chiếu hữu ích khi vận dụng cho THCS, nhất là ở khâu phối hợp lực lượng và kiểm tra đánh giá đầu ra phẩm chất (Đình, 2023).

Thực tiễn giáo dục ở các trường THCS hiện nay chịu tác động đồng thời của: biến đổi cấu trúc gia đình và giám sát giáo dục tại nhà; ảnh hưởng của môi trường số, mạng xã hội đến chuẩn mực hành vi; gia tăng tình huống xung đột học đường, lệch chuẩn ứng xử; và yêu cầu

nhà trường phải chuyển từ quản lý “theo sự vụ” sang quản trị “theo hệ thống” gắn với đánh giá chất lượng. Trong bối cảnh đó, địa bàn phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp với đặc trưng kinh tế - xã hội và văn hóa cộng đồng địa phương đặt ra yêu cầu nghiên cứu quản lý hoạt động GDĐĐ như một công cụ bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời tăng cường gắn kết nhà trường với cộng đồng.

Như vậy, nghiên cứu “quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp” có ý nghĩa: bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho quản lý GDĐĐ cấp THCS; xây dựng luận cứ đề xuất biện pháp quản lý khả thi, bám khung pháp lý và yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả nhằm khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS. Mục tiêu là đánh giá các chức năng quản lý cơ bản trong GDĐĐ như: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra - đánh giá. Thiết kế nghiên cứu kết hợp thu thập dữ liệu định lượng (bảng hỏi Likert 5 mức) và định tính (phỏng vấn bán cấu trúc) để có góc nhìn toàn diện. Nội dung khảo sát và phỏng vấn được xây dựng dựa trên khung quản lý giáo dục và yêu cầu triển khai GDĐĐ theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Khách thể nghiên cứu: Cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) của Trường THCS Tân Trung và Trường THCS Bình Đông trên địa bàn phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp. Mẫu nghiên cứu gồm 60 người, được chọn theo phương pháp thuận tiện có chủ đích: ưu tiên các đối tượng trực tiếp tham gia tổ chức hoặc quản lý hoạt động GDĐĐ trong nhà trường. Tổng số gồm 08 CBQL (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn) và 52 GV của cả hai trường khảo sát.

Công cụ thu thập dữ liệu: Sử dụng bảng hỏi Likert 5 mức theo thang từ 1 đến 5 (1 = Kém, 2 = Yếu, 3 = Trung bình, 4 = Khá, 5 = Tốt). Các chỉ báo quan sát được xây dựng bảo đảm bao quát các yêu cầu chương trình và phù hợp với thực tiễn THCS. Phỏng vấn bán cấu trúc: Thực hiện với một số CBQL chủ chốt để làm rõ kết quả khảo sát. Đối tượng phỏng vấn gồm CBQL và GV am hiểu hoạt động GDĐĐ của trường. Nội dung tập trung vào thuận lợi, khó khăn, cơ chế phối hợp và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai GDĐĐ.

Quy trình thu thập dữ liệu: Khảo sát và phỏng vấn được tiến hành trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 11 năm học 2025-2026. Bảng hỏi được phát trực tiếp cho người tham gia vào đầu năm học và thu lại sau khi hoàn thành, nhằm đảm bảo thông tin phản ánh đúng giai đoạn khởi động hoạt động GDĐĐ. Trước khảo sát, giải thích mục đích và đảm bảo tính tự nguyện của người tham gia.

Xử lý và phân tích dữ liệu: Dữ liệu định lượng thu thập được tổng hợp và xử lý trên Microsoft Excel. Các tham số thống kê mô tả gồm điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng cho từng câu hỏi. ĐTB được tính dựa trên thang đo 5 mức và được phân loại theo khoảng cách đều $[(5 - 1)/5 = 0,8]$, cụ thể: Mức 1 (Kém): $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$; Mức 2 (Yếu): $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$; Mức 3 (Trung bình): $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$; Mức 4 (Khá): $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$; Mức 5 (Tốt): $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$.

3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp

3.1. Thực trạng công tác xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp

Bảng 1. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Xác định mục tiêu GDĐĐ theo từng năm học;	3,68	0,49	1
2	Lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông và đặc điểm học sinh;	3,62	0,45	3
3	Xác định các hình thức, phương pháp tổ chức GDĐĐ thông qua dạy học trên lớp, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội;	3,60	0,41	4
4	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng tham gia giáo dục;	3,63	0,50	2
5	Dự kiến các điều kiện bảo đảm thực hiện như đội ngũ GV, cơ sở vật chất, kinh phí và các nguồn lực xã hội hóa.	3,48	0,64	5
ĐTB chung		3,60		

Từ kết quả khảo sát đội ngũ CBQL và GV về thực trạng công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS ở bảng 1, có thể rút ra các nhận định sau:

Xét ĐTB chung theo thang đo 5 mức độ kết quả thực hiện, công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ đạt ĐTB = 3,60, thuộc mức 4 - thực hiện khá. Điều này cho thấy việc lập kế hoạch đã được các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui quan tâm triển khai, song mức độ thực hiện chưa thật sự đồng đều và chưa đạt mức cao.

Về nội dung có ĐTB cao nhất, nội dung “Xác định mục tiêu GDĐĐ theo từng năm học” đạt ĐTB = 3,68, xếp hạng 1. Kết quả này cho thấy CBQL và GV đã chú trọng đến việc xác định mục tiêu GDĐĐ như một căn cứ quan trọng để tổ chức các hoạt động trong năm học, bảo đảm định hướng chung cho toàn trường.

Ngược lại, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Dự kiến các điều kiện bảo đảm thực hiện như đội ngũ GV, cơ sở vật chất, kinh phí và các nguồn lực xã hội hóa” với ĐTB = 3,48, chỉ ở mức trung bình. Điều này phản ánh việc xây dựng kế hoạch còn hạn chế trong khâu dự báo và chuẩn bị các điều kiện bảo đảm, đặc biệt là nguồn lực và kinh phí phục vụ cho GDĐĐ.

Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị ĐLC dao động từ 0,49 đến 0,51. Phần lớn các nội dung có ĐLC thấp ($\approx 0,49-0,51$), cho thấy sự thống nhất tương đối trong đánh giá của CBQL và GV. Tuy nhiên, nội dung liên quan đến điều kiện bảo đảm có ĐLC cao nhất (0,64), phản ánh sự khác biệt rõ hơn trong nhận thức và mức độ triển khai giữa các trường.

Kết quả phỏng vấn CBQL03 cho thấy công tác xây dựng kế hoạch GDĐĐ hằng năm chủ yếu dựa trên kế hoạch chung của nhà trường và các văn bản chỉ đạo của ngành. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa mục tiêu và điều kiện thực hiện đôi khi còn mang tính hình thức, chưa gắn chặt với điều kiện thực tế của từng trường. Trong khi đó, phỏng vấn CBQL04 nhấn mạnh rằng kế hoạch GDĐĐ đã được xây dựng tương đối đầy đủ về nội dung, song khâu phân bổ nguồn lực và dự kiến kinh phí còn hạn chế, khiến việc triển khai một số hoạt động chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Như vậy, công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS trên địa bàn phường Sơn Qui được thực hiện ở mức khá, thể hiện rõ ở việc xác định mục tiêu và phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên, việc dự kiến và bảo đảm các điều kiện thực hiện, đặc biệt là nguồn lực và xã hội hóa, vẫn còn hạn chế. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề án tiếp

tục đề xuất các biện pháp hoàn thiện công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ trong các trường THCS trong thời gian tới.

3.2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp

Bảng 2. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Việc phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho các lực lượng tham gia GDĐĐ (Ban Giám hiệu, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Đoàn - Đội, các tổ chức liên quan)	3,43	0,64	5
2	Công tác phối hợp giữa Ban Giám hiệu với GV chủ nhiệm, GV bộ môn và các tổ chức đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường	3,55	0,41	4
3	Việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội trong tổ chức thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS	3,58	0,50	2
4	Việc lồng ghép GDĐĐ trong dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục (sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động xã hội...) tại nhà trường	3,63	0,45	1
5	Việc đa dạng hóa hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động GDĐĐ (tinh huống giáo dục, trải nghiệm thực tiễn, lao động tập thể, hoạt động xã hội...) cho học sinh THCS tại nhà trường	3,57	0,45	3
ĐTB chung		3,55		

Qua kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 2, cho thấy, công tác tổ chức thực hiện hoạt động GDĐĐ đạt ĐTB chung là 3,55, thuộc mức 4 - thực hiện khá. Kết quả này cho thấy các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui đã triển khai tương đối đầy đủ các hoạt động GDĐĐ theo kế hoạch, tuy nhiên hiệu quả tổ chức chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung và lực lượng tham gia.

Về nội dung có ĐTB cao nhất, “Việc lồng ghép GDĐĐ trong dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục (sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động xã hội...)” đạt ĐTB = 3,63, xếp hạng 1. Điều này cho thấy nhà trường đã chú trọng tích hợp GDĐĐ vào các hoạt động dạy học và giáo dục thường xuyên, góp phần tạo sự liên thông giữa GDĐĐ và giáo dục tri thức.

Ngược lại, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Việc phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho các lực lượng tham gia GDĐĐ” với ĐTB = 3,43, chỉ ở mức trung bình. Kết quả này phản ánh việc phân công trách nhiệm giữa Ban Giám hiệu, GV chủ nhiệm, GV bộ môn và các tổ chức liên quan chưa thật sự rõ ràng và đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện.

Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị ĐLC dao động từ 0,45 đến 0,64. Phần lớn các nội dung có ĐLC thấp ($\approx 0,41-0,50$), cho thấy mức độ thống nhất tương đối trong đánh giá của CBQL và GV. Riêng nội dung phân công nhiệm vụ có ĐLC cao nhất (0,64), phản ánh sự khác biệt đáng kể trong cách thức tổ chức thực hiện giữa các trường và các bộ phận.

Kết quả phỏng vấn CBQL01 cho thấy việc tổ chức thực hiện GDĐĐ chủ yếu dựa trên kế hoạch chung của nhà trường và sự chủ động của GV chủ nhiệm. Tuy nhiên, sự phối hợp

giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường còn thiếu tính hệ thống, dẫn đến một số hoạt động triển khai chưa đồng bộ. Trong khi đó, phỏng vấn CBQL02 nhấn mạnh rằng nhà trường đã nỗ lực đa dạng hóa hình thức tổ chức GDĐĐ, song do hạn chế về thời gian, nguồn lực và cơ chế phối hợp, hiệu quả tổ chức một số hoạt động trải nghiệm và xã hội hóa chưa đạt như kỳ vọng.

Như vậy, công tác tổ chức thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS trên địa bàn phường Sơn Qui được thực hiện ở mức khá, nổi bật ở việc lồng ghép GDĐĐ trong dạy học và các hoạt động giáo dục thường xuyên. Tuy nhiên, việc phân công trách nhiệm và phối hợp giữa các lực lượng còn hạn chế, đặt ra yêu cầu đối với công tác quản lý cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức, tăng cường phối hợp và nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động GDĐĐ trong nhà trường.

3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp

Bảng 3. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Việc chỉ đạo của Hiệu trưởng trong việc cụ thể hóa mục tiêu GDĐĐ thành các kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm học sinh THCS và điều kiện thực tiễn của nhà trường.	3,28	0,45	6
2	Định hướng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDĐĐ của CBQL nhằm bảo đảm sự thống nhất trong toàn trường.	3,73	0,60	1
3	Việc chỉ đạo tích hợp GDĐĐ giữa dạy học các môn học với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt tập thể.	3,65	0,50	4
4	Việc phát huy vai trò chủ động của GV chủ nhiệm, GV bộ môn và tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong quá trình chỉ đạo thực hiện GDĐĐ cho học sinh.	3,72	0,47	2
5	Chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong tổ chức và thực hiện các hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS.	3,62	0,41	5
6	Việc theo dõi, đôn đốc và điều chỉnh kịp thời của CBQL đối với quá trình thực hiện kế hoạch GDĐĐ, nhằm khắc phục hạn chế và nâng cao hiệu quả giáo dục.	3,68	0,44	3
ĐTB chung		3,61		

Kết quả khảo sát về thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS được trình bày ở bảng 3, cho thấy công tác chỉ đạo đạt ĐTB chung là 3,61, thuộc mức 4 - thực hiện khá. Điều này cho thấy hoạt động chỉ đạo GDĐĐ tại các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui đã được triển khai tương đối đồng bộ, song vẫn còn những nội dung chưa đạt mức cao và cần tiếp tục hoàn thiện.

Về nội dung có ĐTB cao nhất, “Định hướng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDĐĐ của CBQL nhằm bảo đảm sự thống nhất trong toàn trường” đạt ĐTB = 3,73, xếp hạng 1. Kết quả này phản ánh vai trò định hướng của CBQL trong việc tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

Ngược lại, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Việc chỉ đạo của Hiệu trưởng trong việc cụ thể hóa mục tiêu GDĐĐ thành các kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường” với ĐTB = 2,28, chỉ ở mức trung bình. Điều này cho thấy khâu chuyển hóa mục tiêu thành kế hoạch hành động cụ thể còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai GDĐĐ trong thực tiễn.

Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị ĐLC dao động từ 0,41 đến 0,60. Phần lớn các nội dung có ĐLC thấp ($\approx 0,31-0,50$), cho thấy sự thống nhất tương đối trong đánh giá của CBQL và GV. Riêng nội dung định hướng nội dung, phương pháp có ĐLC cao (0,60), phản ánh sự khác biệt nhất định giữa các trường về mức độ và cách thức chỉ đạo.

Kết quả phỏng vấn CBQL03 cho thấy hoạt động chỉ đạo GDĐĐ chủ yếu được thực hiện thông qua các cuộc họp chuyên môn và văn bản chỉ đạo chung. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa mục tiêu thành các nhiệm vụ chi tiết theo từng đối tượng học sinh chưa được chú trọng đúng mức. Trong khi đó, phỏng vấn CBQL04 nhấn mạnh rằng công tác chỉ đạo đã có sự quan tâm đến việc tích hợp GDĐĐ trong dạy học và hoạt động trải nghiệm, song việc theo dõi, điều chỉnh kịp thời trong quá trình thực hiện còn phụ thuộc nhiều vào năng lực và sự chủ động của từng GV.

Như vậy, công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS trên địa bàn phường Sơn Qui được triển khai ở mức khá, nổi bật ở vai trò định hướng thống nhất của CBQL. Tuy nhiên, hạn chế lớn nằm ở việc cụ thể hóa mục tiêu và kế hoạch chỉ đạo, cũng như theo dõi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề án đề xuất các biện pháp tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo quản lý hoạt động GDĐĐ trong các trường THCS thời gian tới.

3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp

Bảng 4. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	XH
1	Thường xuyên và kịp thời của việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh tại nhà trường hiện nay.	3,68	0,58	1
2	Nội dung kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ (bao gồm nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của học sinh).	3,60	0,51	4
3	Việc đa dạng và phù hợp của các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ (quan sát, nhận xét, hồ sơ rèn luyện, tự đánh giá của học sinh, đánh giá của tập thể...).	3,67	0,46	2
4	Mức độ khách quan, công bằng và chính xác trong quá trình kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh.	3,23	0,47	6
5	Việc sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ để điều chỉnh kế hoạch quản lý, nội dung và phương pháp GDĐĐ trong nhà trường.	3,57	0,43	5
6	Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong việc tham gia kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh.	3,63	0,45	3
ĐTB chung		3,56		

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá đã được triển khai tương đối thường xuyên trong các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui, tuy nhiên hiệu quả vẫn chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung đánh giá.

Về nội dung có ĐTB cao nhất, “Tính thường xuyên và kịp thời của việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh” đạt ĐTB = 3,68, xếp hạng 1. Điều này phản ánh nhà trường đã quan tâm tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng tiến độ, góp phần duy trì nề nếp và kỷ cương trong GDĐĐ.

Ngược lại, nội dung có ĐTB thấp nhất là “Mức độ khách quan, công bằng và chính xác trong quá trình kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ” với ĐTB = 3,23, chỉ ở mức trung bình. Kết quả này cho thấy vẫn còn những băn khoăn về tính khách quan và độ tin cậy của hoạt động đánh giá, đặc biệt khi đánh giá hành vi và thái độ đạo đức của học sinh.

Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị ĐLC dao động từ 0,43 đến 0,58. Phần lớn các nội dung có ĐLC thấp ($\approx 0,31-0,48$), cho thấy sự thống nhất tương đối trong nhận thức của CBQL và GV. Riêng nội dung về tính thường xuyên của kiểm tra, đánh giá có ĐLC cao nhất (0,67), phản ánh sự khác biệt nhất định trong cách thức triển khai giữa các trường.

Kết quả phỏng vấn CBQL01 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá GDĐĐ chủ yếu được thực hiện thông qua nhận xét định kỳ, theo dõi nề nếp và hồ sơ rèn luyện của học sinh. Tuy nhiên, CBQL này cho rằng các tiêu chí đánh giá chưa thật sự cụ thể, dẫn đến việc đánh giá còn mang tính cảm tính. Trong khi đó, phỏng vấn CBQL02 nhấn mạnh rằng nhà trường đã cố gắng đa dạng hóa hình thức đánh giá và tăng cường phối hợp với gia đình, song việc bảo đảm tính khách quan và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động quản lý vẫn còn hạn chế.

Như vậy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS trên địa bàn phường Sơn Qui được thực hiện ở mức khá, nổi bật ở tính thường xuyên và sự đa dạng về hình thức đánh giá. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất nằm ở tính khách quan, công bằng và hiệu quả sử dụng kết quả đánh giá trong điều chỉnh quản lý. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề án đề xuất các biện pháp hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ trong các trường THCS thời gian tới.

3.5. Đánh giá chung về thực trạng

3.5.1. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui đã được quan tâm triển khai tương đối đồng bộ theo các chức năng quản lý cơ bản. Trước hết, ở khâu lập kế hoạch, các nhà trường đã chú trọng xác định mục tiêu GDĐĐ theo năm học, bám định hướng chương trình giáo dục phổ thông và nhiệm vụ năm học của ngành; nội dung và hình thức GDĐĐ được xác định tương đối rõ, có gắn với hoạt động dạy học và sinh hoạt giáo dục.

Trong tổ chức thực hiện, hoạt động GDĐĐ đã được lồng ghép vào dạy học các môn học, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm và hoạt động tập thể, cho thấy xu hướng tích hợp thay vì tách rời. Nhà trường bước đầu quan tâm đa dạng hóa hình thức tổ chức, kết hợp giáo dục trong lớp với hoạt động trải nghiệm và hoạt động xã hội. Vai trò định hướng của CBQL trong chỉ đạo nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức được thể hiện khá rõ, góp phần tạo sự thống nhất tương đối trong toàn trường.

Ở chức năng kiểm tra - đánh giá, các trường đã duy trì việc kiểm tra hoạt động GDĐĐ theo định kỳ, sử dụng nhiều kênh thông tin như nhận xét, theo dõi nề nếp, hồ sơ rèn luyện và phối hợp với gia đình. Việc theo dõi và đôn đốc thực hiện kế hoạch GDĐĐ đã được triển khai, tạo cơ chế giám sát nhất định trong quá trình tổ chức hoạt động.

3.5.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý hoạt động GDĐĐ vẫn còn bộc lộ một số hạn chế có tính hệ thống. Trong lập kế hoạch, việc dự kiến điều kiện bảo đảm thực hiện như nguồn lực, kinh phí và xã hội hóa còn chưa được chú trọng đúng mức; kế hoạch ở một số trường còn mang tính khung, thiếu gắn kết chặt với điều kiện thực tiễn và đặc điểm học sinh.

Trong tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm giữa các lực lượng tham gia GDĐĐ chưa thật sự rõ ràng và ổn định; cơ chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu, GV chủ nhiệm, GV bộ môn và các tổ chức đoàn thể còn thiếu tính quy trình. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội tuy đã được thực hiện nhưng chưa đồng đều, còn phụ thuộc vào từng thời điểm và từng cá nhân phụ trách.

Ở chức năng chỉ đạo, điểm hạn chế nổi bật là việc cụ thể hóa mục tiêu GDĐĐ thành nhiệm vụ và kế hoạch hành động chi tiết theo đối tượng học sinh và bối cảnh nhà trường còn chưa sâu. Hoạt động theo dõi, điều chỉnh trong quá trình triển khai chưa thật sự dựa trên minh chứng và dữ liệu phản hồi.

Trong kiểm tra - đánh giá, tính khách quan, nhất quán và độ tin cậy trong đánh giá hành vi, thái độ đạo đức của học sinh còn là vấn đề đáng lưu ý. Tiêu chí đánh giá ở một số nội dung chưa cụ thể; việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch và biện pháp quản lý chưa được thực hiện một cách hệ thống.

3.5.3. Nguyên nhân

Các hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân quản lý và điều kiện bảo đảm. Trước hết, nhận thức về quản lý hoạt động GDĐĐ theo tiếp cận chức năng và theo chu trình cải tiến liên tục ở một bộ phận CBQL và GV chưa thật sự đầy đủ; hoạt động GDĐĐ vẫn còn bị xem là nhiệm vụ phối hợp, chưa được quản trị như một cấu phần chiến lược của quản lý chất lượng giáo dục.

Năng lực xây dựng kế hoạch chi tiết, dự báo nguồn lực và thiết kế cơ chế phối hợp liên lực lượng còn hạn chế; kỹ năng chuyên hóa mục tiêu GDĐĐ thành chỉ báo hành vi và tiêu chí đánh giá cụ thể chưa đồng đều giữa các trường. Cơ chế phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội thiếu tính ổn định và chưa được chuẩn hóa bằng quy trình.

Ngoài ra, điều kiện nguồn lực, thời gian tổ chức hoạt động trải nghiệm, kinh phí và công cụ đánh giá hành vi đạo đức còn hạn chế, làm giảm hiệu quả triển khai và kiểm soát chất lượng. Việc ứng dụng dữ liệu theo dõi rèn luyện học sinh trong điều chỉnh quyết định quản lý chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến quản lý còn thiên về kinh nghiệm hơn là dựa trên minh chứng.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp đã được triển khai tương đối đầy đủ theo các chức năng quản lý cơ bản, thể hiện ở việc quan tâm xây dựng kế hoạch, lồng ghép GDĐĐ vào dạy học và hoạt động giáo dục, duy trì chỉ đạo và kiểm tra định kỳ. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung; vẫn còn tồn tại những hạn chế trong dự báo và bảo đảm nguồn lực, phân công và phối hợp lực lượng, cụ thể hóa mục tiêu thành kế hoạch hành động, cũng như bảo đảm tính khách quan và sử dụng kết quả trong kiểm tra - đánh giá.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu khuyến nghị: (1) các trường cần chuẩn hóa quy trình quản lý hoạt động GDĐĐ theo chu trình kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - kiểm tra - cải tiến, gắn với tiêu chí hành vi cụ thể; (2) tăng cường bồi dưỡng năng lực quản lý và năng lực tổ chức GDĐĐ cho CBQL và GV chủ nhiệm; (3) thiết lập cơ chế phối hợp ổn định giữa nhà trường - gia đình -

lực lượng xã hội; (4) hoàn thiện hệ tiêu chí và công cụ đánh giá GDĐĐ theo hướng minh chứng và dữ liệu, làm căn cứ điều chỉnh quyết định quản lý. Thực hiện đồng bộ các khuyến nghị này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng GDĐĐ cho học sinh THCS trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 về quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
- Đình, Đ. L. (2023). Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông ở huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(02S), 141-152. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.02S.2023.1091>
- Domitrovich, C. E., Li, Y., Kendziora, K., & Greenberg, M. T. (2025). Impact of schoolwide support for social and emotional learning: The effect of the CASEL school guide on organizational capacity for SEL and systemic SEL. *Social and Emotional Learning: Research, Practice, and Policy*, 6, 100156. <https://doi.org/10.1016/j.sel.2025.100156>
- Lê, K. K. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 265-275. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1385>
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.*
- Trần, Đ. N., & Lê, T. K. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(02S), 229-240. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.02S.2023.1099>
- Weems, C. (2024). Social/Emotional Learning Implementation and Student Outcomes. *Professional School Counseling*, 28(1), 1-12. <https://doi.org/10.1177/2156759X241255336>